

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2019.

“V/v: Tranh chấp về nuôi con của
nam, nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Mỹ.
2. Bà Nguyễn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 372/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc: Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 21/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Bùi H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:**

Tôi và anh Bùi H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997. Từ năm 1997 đến nay chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Bùi H thường xuyên bài bạc, uống rượu và đánh đập vợ con. Do vậy, tôi và anh H sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Do chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên tôi đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận tôi và anh Bùi H là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi và anh Bùi H có 02 con chung, cháu Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1999 và cháu Bùi Nhật Th, sinh ngày 31/8/2001.

Hiện nay, cháu Bùi Nhật Th đang ở với tôi.

Nguyên vọng của tôi là xin được nuôi cháu Bùi Nhật Th cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Riêng cháu T đã đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với anh Bùi Huỳnh:** Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các Thông báo cho anh H đến Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để anh H đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử. Nhưng anh H vẫn không có mặt tại Tòa án theo Thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, cũng không nộp cho Toàn án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn; Tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, do bị đơn anh Bùi H vắng mặt tại các buổi làm việc; chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Bùi H không đăng ký kết hôn, căn cứ Điều 203, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày ý kiến tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Do chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên tôi đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận tôi và anh Bùi H là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi và anh Bùi H có 02 con chung, cháu Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1999 và cháu Bùi Nhật Th, sinh ngày

31/8/2001. Nguyên vọng của tôi là xin được nuôi cháu Bùi Nhật Th cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Riêng cháu T đã đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 212, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục mà pháp luật quy định. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi H không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 51, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L: không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Bùi H là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Bùi Nhật Th, sinh ngày 31/8/2001 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Riêng cháu T đã đủ 18 tuổi nên cháu có quyền quyết định cuộc sống riêng của mình nên không đề cập giải quyết; Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L lập ngày 03/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy tại thời điểm chị Nguyễn Thị Mỹ L làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Bùi H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh

Đắc Lắc. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L:

[2.1] Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Bùi H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị L và anh H không đến Ủy ban nhân dân xã nơi anh chị cư trú để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986.

Tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định:

“Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định.

Việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau ở ngoài nước do cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận. Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý”.

Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 không công nhận chị L và anh H là vợ chồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu nuôi con chung: Chị L và anh H có 02 con chung, cháu Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1999 và cháu Bùi Nhật Th, sinh ngày 31/8/2001.

Hiện nay cháu Bùi Thị Thanh T đã trên 18 tuổi, có quyền tự quyết định cuộc sống riêng của mình, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Bùi Nhật Th hiện nay đang ở với chị L, hơn nữa cháu Th có nguyện vọng xin được ở với chị Nguyễn Thị Mỹ L. Chị L cũng có nguyện vọng xin được nuôi cháu Bùi Nhật Th.

Do vậy, cần giao cháu Bùi Nhật Th, sinh ngày 31/8/2001 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh Bùi H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Bùi H.

[2] Về con chung: Giao cháu Bùi Nhật Th, sinh ngày 31/8/2001 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Anh Bùi H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

Hiện nay cháu Bùi Thị Thanh T đã đủ 18 tuổi, có quyền tự quyết định cuộc sống riêng của mình, nên không đề cập giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0009597 ngày 11 tháng 12 năm 2018.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Dương sự;
- UBNS xã E;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Quang Vinh